

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN DIỄN CHÂU  
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 94/2021/HS-ST

Ngày: 26-4-2021

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DIỄN CHÂU, TỈNH NGHỆ AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Đoàn Thị Kiều Hương

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Thế Anh  
2. Bà Nguyễn Thị Dung

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Viết Hoàng Anh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Vinh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 115/2021/HSST, ngày 29 tháng 3 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 131/2021/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 4 năm 2021, đối với bị cáo:

Họ và tên: Vũ Văn L; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 26/8/1994; Nơi cư trú: Khối x, thị trấn D, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 10/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Vũ Văn T, sinh năm 1969 và Con bà: Nguyễn Thị C, sinh năm 1973; Vợ, con: chưa có; Tiền án, Tiền sự: không; Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 11/01/2021 đến ngày 20/01/2021 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 20/01/2021 đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

**\* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Chị Phạm Thị H, sinh năm 1972; Trú tại: xóm x, xã T, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An;

2. Bà Lê Thị H, sinh năm 1952; Trú tại: xóm z, xã T, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An;

3. Chị Thái Thị H, sinh năm 1976; Trú tại: khối z, thị trấn D, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An;

4. Chị Cao Thị H, sinh năm 1982; Cư trú tại: khối x, thị trấn D, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An;

5. Bà Trịnh Thị T, sinh năm 1961; Cư trú tại: xóm T, xã H, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An;

6. Chị Lê Thị C, sinh năm 1983; cư trú tại: xóm x, xã T, thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An;

7. Anh Lê Văn T, sinh năm 1981; cư trú tại: xóm s, xã T, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An;

8. Chị Lê Thị L, sinh năm 1979; cư trú tại: xóm x, xã T, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An;

9. Chị Đậu Thị T, sinh năm 1986; cư trú tại: xóm v, xã T, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An;

10. Anh Ngô Văn Đ, sinh năm 1987; cư trú tại: xóm x, xã T, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An.

(đều vắng mặt)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ tháng 6/2020 đến tháng 01/2021, Vũ Văn L đã sử dụng tiền riêng của mình để thực hiện hành vi cho các cá nhân vay với các mức lãi suất 4000đ/triệu/ngày, tương đương với 146%/năm; 5000đ/triệu/ngày, tương đương 182%/năm. Trong đó lãi suất hợp pháp do các bên tự thỏa thuận quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự không được vượt quá 20%/năm (tương đương 1,666666%/tháng, tương đương 0,0548%/ngày). Các giao dịch được thực hiện bằng các cách thức: người vay sẽ trực tiếp liên hệ với bị cáo thông qua các số điện thoại 0943.830.777 và 0352.528.485, sau đó người vay sẽ gặp bị cáo và nhận tiền vay trực tiếp từ bị cáo. Quá trình thu tiền nợ (gốc, lãi), người vay liên lạc qua điện thoại và trả trực tiếp trả góp bằng tiền mặt. Cụ thể như sau:

**1. Cho chị Phạm Thị H, sinh năm 1972, trú tại xóm x, xã T, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An vay 2 lần; lãi suất 5000đồng/triệu/ngày.**

- Lần 1: Ngày 22/6/2020 chị Phạm Thị H vay 10.000.000 đồng, trong thời gian 40 ngày; L đã thu trước tiền lãi 40 ngày với tổng số tiền là: 2.000.000 đồng, trong đó lãi hợp pháp:  $(0,0548\% \times 10.000.000 \text{ đồng} \times 40 \text{ ngày}) = 219.200 \text{ đồng}$ ; số tiền thu lợi bất chính là: 1.780.800 đồng. Số tiền gốc chị H trả góp cho L mỗi ngày là 250.000 đồng. Chị H đã trả hết tiền gốc.

- Lần 2: Ngày 27/8/2020, chị Phạm Thị H vay 10.000.000 đồng, trong thời gian 40 ngày; L đã thu trước tiền lãi 40 ngày với tổng số tiền là: 2.000.000 đồng, trong đó lãi hợp pháp:  $(0,0548\% \times 10.000.000 \text{ đồng} \times 40 \text{ ngày}) = 219.200 \text{ đồng}$ ; số tiền thu lợi bất chính là: 1.780.800 đồng. Số tiền gốc chị H trả góp cho L mỗi ngày là 250.000 đồng. Chị H đã trả hết tiền gốc.

Như vậy, tổng cả 02 lần giao dịch với chị H, L đã thu tổng tiền lãi là 4.000.000 đồng, tiền lãi hợp pháp là 438.400 đồng; thu lợi bất chính là: 3.561.600 đồng. Chị H đã trả hết tiền nợ gốc.

**2. Cho chị Lê Thị H (sinh năm 1952, trú tại xóm x, xã T, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An) vay 10.000.000 đồng, trong thời gian 40 ngày; lãi suất thỏa thuận: 5000 đồng/triệu/ngày. L đã thu tiền lãi trong 40 ngày với tổng số tiền 2.000.000 đồng; trong đó lãi hợp pháp:  $(0,0548\% \times 10.000.000 \text{ đồng} \times 40 \text{ ngày}) =$**

219.200 đồng; số tiền thu lợi bất chính là: 1.780.800 đồng. Chị H còn nợ tiền gốc: 4.500.000 đồng.

**3. Cho chị Thái Thị T (sinh năm 1976, trú tại khối x, thị trấn D, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An)** vay 5.000.000 đồng trong thời gian 40 ngày; lãi suất thỏa thuận 4000đồng/triệu/ngày. L đã thu tiền lãi trong 40 ngày là 1.000.000 đồng, trong đó lãi hợp pháp  $(0,0548\% \times 5.000.000 \text{ đồng} \times 40 \text{ ngày}) = 109.600 \text{ đồng}$ ; số tiền thu lợi bất chính là: 890.400 đồng. Chị T đã trả hết tiền gốc.

**4. Cho chị Cao Thị H, (sinh năm 1982, trú tại khối 5, thị trấn Diễn Châu, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An)** vay 10.000.000 đồng trong thời gian 40 ngày; lãi suất thỏa thuận 5.000 đồng/triệu/ngày. L đã thu trước tiền lãi trong 40 ngày là 2.000.000 đồng, trong đó lãi hợp pháp:  $(0,0548\% \times 10.000.000 \text{ đồng} \times 40 \text{ ngày}) = 219.200 \text{ đồng}$ ; số tiền thu lợi bất chính là: 1.780.800 đồng. Chị H còn nợ tiền gốc: 1.500.000 đồng.

**5. Cho bà Trịnh Thị T, (sinh năm 1961, trú tại xóm T, xã H, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An)** vay 2 lần, lãi suất thỏa thuận 5000 đồng/triệu/ngày, cụ thể:

**Lần 1:** Ngày 08/10/2020, bà T vay 10.000.000 đồng trong thời gian 40 ngày, L đã thu trước tiền lãi trong 40 ngày là 2.000.000 đồng, trong đó lãi hợp pháp:  $(0,0548\% \times 10.000.000 \text{ đồng} \times 40 \text{ ngày}) = 219.200 \text{ đồng}$ ; số tiền thu lợi bất chính là: 1.780.800 đồng. Bà T đã trả hết tiền gốc.

**Lần 2:** Ngày 01/12/2020, bà T vay 10.000.000 đồng, trong thời gian 40 ngày, L đã thu trước tiền lãi trong 40 ngày là 2.000.000 đồng, trong đó lãi hợp pháp:  $(0,0548\% \times 10.000.000 \text{ đồng} \times 40 \text{ ngày}) = 219.200 \text{ đồng}$ ; số tiền thu lợi bất chính là: 1.780.800 đồng. Bà T còn nợ gốc: 1.250.000 đồng.

Như vậy tổng cả hai lần giao dịch với bà T, L đã thu tiền lãi là 4.000.000đồng, trong đó tiền lãi hợp pháp là 438.400 đồng; số tiền thu lợi bất chính là 3.561.600 đồng. Bà T còn nợ gốc: 1.250.000 đồng.

**6. Cho chị Lê Thị C (sinh năm 1983, trú tại xóm x, xã T, thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An)** vay 06 lần, lãi suất thỏa thuận cho mỗi lần giao dịch là 5000đồng/triệu/ngày, cụ thể:

**Lần 1:** Ngày 07/12/2020, cho chị C vay 20.000.000 đồng, trong thời gian 40 ngày, L đã thu trước tiền lãi trong 40 ngày là 4.000.000 đồng, trong đó tiền lãi hợp pháp là  $(0,0548\% \times 20.000.000 \text{ đồng} \times 40 \text{ ngày}) = 438.400 \text{ đồng}$ , số tiền thu lợi bất chính là 3.561.600 đồng. Chị C đã trả hết tiền gốc.

**Lần 2:** Ngày 16/12/2020, chị C vay 10.000.000 đồng, trong thời gian 40 ngày, L đã thu trước tiền lãi trong 40 ngày là 2.000.000 đồng; trong đó lãi hợp pháp:  $(0,0548\% \times 10.000.000 \text{ đồng} \times 40 \text{ ngày}) = 219.200 \text{ đồng}$ ; số tiền thu lợi bất chính là: 1.780.800 đồng. Chị C trả hết tiền gốc.

**Lần 3:** Ngày 18/12/2020, chị C vay 10.000.000 đồng, trong thời gian 40 ngày, L đã thu trước tiền lãi trong 40 ngày là 2.000.000 đồng; trong đó lãi hợp pháp:  $(0,0548\% \times 10.000.000 \text{ đồng} \times 40 \text{ ngày}) = 219.200 \text{ đồng}$ ; số tiền thu lợi bất chính là: 1.780.800 đồng. Chị C trả hết tiền gốc.

**Lần 4:** Ngày 20/12/2020, chị C vay 10.000.000 đồng, trong thời gian 40 ngày, L đã thu trước tiền lãi trong 40 ngày là 2.000.000 đồng; trong đó lãi hợp pháp:  $(0,0548\% \times 10.000.000 \text{ đồng} \times 40 \text{ ngày}) = 219.200 \text{ đồng}$ ; số tiền thu lợi bất chính là: 1.780.800 đồng. Chị C trả hết tiền gốc.

**Lần 5:** Ngày 30/12/2020, chị C vay 20.000.000 đồng, trong thời gian 40 ngày; L đã thu trước tiền lãi trong 40 ngày là 4.000.000 đồng, trong đó tiền lãi hợp pháp là  $(0,0548\% \times 20.000.000 \text{ đồng} \times 40 \text{ ngày}) = 438.400 \text{ đồng}$ , số tiền thu lợi bất chính là 3.561.600 đồng. Chị C đã trả hết tiền gốc.

**Lần 6:** Ngày 31/12/2020, chị C vay 10.000.000 đồng, trong thời gian 40 ngày, L đã thu trước tiền lãi trong 40 ngày là 2.000.000 đồng; trong đó lãi hợp pháp:  $(0,0548\% \times 10.000.000 \text{ đồng} \times 40 \text{ ngày}) = 219.200 \text{ đồng}$ ; số tiền thu lợi bất chính là: 1.780.800 đồng. Chị C còn nợ gốc: 7.750.000 đồng.

Như vậy tổng cả 06 lần giao dịch với chị C, L đã tổng thu tiền lãi là 16.000.000 đồng, trong đó tiền lãi hợp pháp là 1.753.600 đồng; số tiền thu lợi bất chính là: 14.246.400 đồng. Chị C còn nợ tiền gốc: 7.750.000 đồng.

**7. Cho anh Lê Văn T (sinh năm 1981, trú tại xóm x, xã T, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An)** vay 30.000.000 đồng; lãi thỏa thuận 4000đồng/triệu/ngày, trong thời gian 50 ngày; L đã thu trước tiền lãi trong 50 ngày là 6.000.000 đồng, trong đó tiền lãi hợp pháp  $(0,0548\% \times 30.000.000 \text{ đồng} \times 50 \text{ ngày}) = 822.000 \text{ đồng}$ ; số tiền thu lợi bất chính là 5.178.000 đồng. Anh T còn nợ tiền gốc: 12.000.000 đồng.

**8. Cho chị Lê Thị L (sinh năm 1979, trú tại xóm x, xã T, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An)** vay 5.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 4000đồng/triệu/ngày; thời gian vay 50 ngày. L đã thu trước tiền lãi trong 50 ngày là 1.000.000 đồng, trong đó lãi hợp pháp  $(0,0548\% \times 5.000.000 \text{ đồng} \times 50 \text{ ngày}) = 137.000 \text{ đồng}$ ; số tiền thu lợi bất chính: 863.000 đồng. Chị L còn nợ gốc: 2.400.000 đồng.

**9. Cho chị Đậu Thị T (sinh năm 1986, trú tại xóm x, xã T, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An)** vay 02 lần, lãi suất thỏa thuận trong mỗi lần giao dịch là 4166,7 đồng/triệu/ngày, cụ thể:

**Lần 1:** Ngày 24/11/2020, cho chị T vay 12.000.000 trong thời gian 40 ngày; L đã thu trước tiền lãi trong 40 ngày là 2.000.000 đồng, trong đó lãi hợp pháp  $(0,0548\% \times 12.000.000 \text{ đồng} \times 40 \text{ ngày}) = 263.040 \text{ đồng}$ , số tiền thu lợi bất chính là 1.736.960 đồng. Chị T đã trả hết tiền gốc.

**Lần 2:** Ngày 23/12/2020, cho chị T vay 12.000.000 đồng trong thời gian 40 ngày; L đã thu trước tiền lãi trong 40 ngày là 2.000.000 đồng, trong đó lãi hợp pháp  $(0,0548\% \times 12.000.000 \text{ đồng} \times 40 \text{ ngày}) = 263.040 \text{ đồng}$ , số tiền thu lợi bất chính là 1.736.960 đồng. Chị T còn nợ gốc: 6.600.000 đồng.

Như vậy, trong 02 lần giao dịch với chị Đậu Thị T, L đã thu tổng số tiền lãi là: 4.000.000 đồng; trong đó tiền lãi hợp pháp: 526.080 đồng; số tiền thu lợi bất chính là 3.473.920 đồng. Chị T còn nợ tiền gốc: 6.600.000 đồng.

**10. Cho anh Ngô Văn Đ (sinh năm 1987, trú tại xóm x, xã T, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An)** vay 10.000.000 đồng trong thời gian 40 ngày, lãi thỏa thuận 5000đồng/triệu/ngày. L đã thu trước tiền lãi trong 40 ngày là 2.000.000 đồng, trong đó tiền lãi hợp pháp  $(0,0548\% \times 10.000.000 \text{ đồng} \times 40 \text{ ngày}) = 219.200 \text{ đồng}$ , số tiền thu lợi bất chính là 1.780.800 đồng. Anh Đ còn nợ tiền gốc: 5.000.000 đồng.

Khi bị cáo L đang thu tiền gốc trả góp của anh Đ thì bị tổ công tác Công an huyện Diễn Châu phát hiện bắt quả tang thu giữ 02 chiếc điện thoại di động và số tiền: 250.000 đồng.

Như vậy, thông qua 18 giao dịch dân sự L đã cho 10 người vay với tổng số tiền gốc là 214.000.000 đồng, mức lãi suất 4.000đ/ngày tương đương 146%/năm và 5.000đ/ngày tương đương 182,5%/năm. Thu lãi hợp pháp tương ứng với mức lãi suất 20%/năm là 4.882.680 đồng; số tiền thu lợi bất chính là 37.117.320 đồng (*khoản tiền lãi vượt quá 20%/năm*). Những người vay còn nợ bị cáo số tiền gốc là: 41.000.000 đồng.

Bản Cáo trạng số 68/CT-VKS-DC ngày 25 tháng 3 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An truy tố bị cáo Vũ Văn L về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An giữ quyền công tố và tranh luận: giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Vũ Văn L về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1, Điều 51, Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Vũ Văn L từ 09 (chín) đến 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ; Khấu trừ thu nhập mỗi tháng từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng để nộp vào Ngân sách Nhà nước; Miễn hình phạt bổ sung.

Về Biện pháp tư pháp:

**\* Buộc bị cáo Vũ Văn L phải giao nộp sung Ngân sách nhà nước những khoản sau:**

Số tiền gốc cho vay (phương tiện phạm tội) là 214.000.000 đồng, nhưng được trừ khoản nợ gốc các cá nhân vay của bị cáo chưa trả là 41.000.000 đồng. Còn phải truy thu 173.000.000 đồng.

- Số tiền lãi (=20%/năm) phát sinh từ tội phạm là 4.882.000 đồng.

**\* Buộc Vũ Văn L hoàn trả cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan số tiền lãi vượt mức 20% Nhà nước cho phép (thu lợi bất chính), tổng cộng 37.117.320 đồng, gồm:**

Chị Phạm Thị H: 3.561.600 đồng; Chị Cao Thị H: 1.780.800 đồng; Chị Trịnh Thị T: 3.561.600 đồng; Chị Lê Thị C: 14.246.400 đồng; Chị Đậu Thị T: 3.473.920 đồng; Anh Lê Văn T: 5.178.000đồng; Anh Ngô Văn Đ: 1.780.800 đồng; Chị Lê Thị L: 863.000 đồng; Chị Lê Thị H: 1.780.800 đồng; Chị Thái Thị H: 890.400 đồng.

**\* Truy thu sung quỹ Nhà nước khoản nợ gốc các cá nhân vay của bị cáo chưa trả là 41.000.000 đồng, gồm:**

Chị Cao Thị H: 1.500.000 đồng; Chị Trịnh Thị T: 1.250.000 đồng; Chị Lê Thị C: 7.750.000 đồng; Chị Đậu Thị T: 6.600.000 đồng; Anh Lê Văn T: 12.000.000 đồng; Anh Ngô Văn Đ: 5.000.000 đồng; Chị Lê Thị L: 2.400.000 đồng; Chị Lê Thị H: 4.500.000 đồng.

Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội thực hiện đúng như nội dung cáo trạng truy tố và nhất trí với quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, bị cáo không tranh luận gì thêm và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Quá trình điều tra, truy tố Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát nhân dân huyện Diên Châu đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự về hoạt động “Điều tra” “Truy tố”, đồng thời đã giải thích và tạo điều kiện để bị cáo, những người tham gia tố tụng thực hiện đúng và đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2]. Về căn cứ kết tội đối với bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi của mình phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, phù hợp nội dung cáo trạng, vật chứng thu giữ được cũng như các chứng cứ, tài liệu điều tra khác đã được thu thập hợp pháp. Như vậy, có đủ căn cứ kết luận trong khoảng thời gian từ tháng 6/2020 đến tháng 01/2021, Vũ Văn L đã sử dụng tiền của mình cho 10 người trên địa bàn các xã T, H, thị trấn D, huyện Diên Châu và xã T, thị xã Hoàng Mai tỉnh Nghệ An với các mức lãi suất vượt mức lãi suất hợp pháp theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự 2015, là 4.000đ/ngày/triệu tương đương 146%/năm và 5000 đồng/triệu/ngày tương đương với lãi suất là 182,5%/năm, cao gấp 7,3 lần và 9,12 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định, thu lợi bất chính số tiền 37.117.320đồng. Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Diên Châu truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]. Về tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những đã trực tiếp xâm phạm trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng mà còn mang tích chất bóc lột, làm cho người vay tiền lâm vào hoàn cảnh khó khăn, điều đứng; gây bất bình trong quần chúng nhân dân, xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế, xã hội nói chung. Bởi vậy, cần phải có mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

[3] Về tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những đã trực tiếp xâm phạm trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng mà còn mang tích

chất bóc lột, làm cho người vay tiền lâm vào hoàn cảnh khó khăn, điều đứng; gây bất bình trong quần chúng nhân dân, xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế, xã hội nói chung. Bởi vậy, cần phải có mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

[4] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo có nhân thân tốt; không có tiền án, tiền sự; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quá trình điều tra và tại phiên tòa luôn có thái độ hợp tác khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải. Bởi vậy cần xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo khi lượng hình nhằm tạo điều kiện cho bị cáo sửa chữa sai lầm, trở thành công dân có ích cho xã hội, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

- Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp ổn định. Mặt khác phải nộp lại toàn bộ số tiền rất lớn là phương tiện phạm tội nên xem xét miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[6] Về biện pháp tư pháp: Toàn bộ số tiền gốc bị cáo cho vay là phương tiện phạm tội, cần buộc bị cáo nộp lại để tịch thu sung quỹ Nhà nước. Quá trình điều tra xác định trong tổng số tiền 214.000.000 đồng đã cho vay, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chưa trả cho các bị cáo số tiền 41.000.000 đồng. Tổng số tiền gốc cần buộc bị cáo nộp lại là 173.000.000 đồng.

Đối với khoản tiền lãi 4.882.000 đồng tương ứng với mức lãi suất 20%/năm mà những người vay đã trả cho bị cáo là khoản tiền phát sinh từ tội phạm. Do đó, cần phải tịch thu nộp vào Ngân sách nhà nước.

Đối với khoản tiền lãi 37.117.320 đồng tương ứng với mức lãi suất trên 20%/năm, cần buộc bị cáo phải trả lại cho người vay.

Đối với khoản tiền gốc **41.000.000** đồng mà những người vay chưa trả cho bị cáo, cần buộc những người vay nộp lại để tịch thu nộp vào Ngân sách Nhà nước.

[7]. Về vật chứng trong vụ án:

- Đối với số tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam là 250.000 đồng (*Hai trăm năm mươi nghìn đồng*) đã thu giữ của Vũ Văn L. Hiện tại số tiền là vật chứng vụ án đã bàn giao Kho bạc nhà nước huyện Diên Châu tại biên bản giao nhận tài sản số 06/2020/BBGN- CADC ngày 22/01/2021. Cần tạm giữ khoản tiền này để đảm bảo thi hành án.

- Đối với vật chứng là 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus, màu đen, bên trong có sim số 0843.830.777; 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105, màu đen, bên trong có sim số 0352.528.485, là phương tiện bị cáo sử dụng thực hiện hành vi phạm tội cần tịch thu hóa giá nộp vào Ngân sách nhà nước.

[8] Về án phí: bị cáo phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

[9]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người tham gia tố tụng được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

### **1. Về tội danh và hình phạt:**

Tuyên bố: Bị cáo Vũ Văn L phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự năm 2015;

Xử phạt bị cáo Vũ Văn L 09 (chín) **tháng** Cải tạo không giam giữ, nhưng được trừ thời gian tạm giữ là 9 ngày (bằng 27 ngày cải tạo không giam giữ), buộc bị cáo phải chấp hành thời gian còn lại **là 08 (tám) tháng, 03 (ba) ngày cải tạo không giam giữ. Khấu trừ thu nhập của bị cáo mỗi tháng 300.000 (ba trăm ngàn) đồng để nộp vào ngân sách Nhà nước tương đương với thời gian cải tạo không giam giữ.**

Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo L cho Ủy ban nhân dân thị trấn D, huyện Diên Châu, tỉnh Nghệ An giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ, gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp người bị cải tạo không giam giữ không có việc làm hoặc bị mất việc làm trong thời gian chấp hành hình phạt thì phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ. Thời gian lao động phục vụ cộng đồng không quá 04 giờ trong một ngày và không quá 05 ngày trong 01 tuần.

2. Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: căn cứ điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

#### **2.1. Biện pháp tư pháp:**

\* Truy thu của bị cáo Vũ Văn L số tiền gốc 173.000.000 đồng và khoản tiền lãi phát sinh từ hành vi cho vay lãi nặng: 4.882.000 đồng; nhưng được trừ vào khoản tiền 250.000 đồng đã thu giữ của bị cáo; còn lại buộc bị cáo phải nộp số tiền: 177.632.000 đồng

\* Buộc Vũ Văn L hoàn trả cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan số tiền lãi vượt mức 20% Nhà nước cho phép (thu lợi bất chính), tổng cộng 37.117.320 đồng, gồm:

1. Chị Phạm Thị H: 3.561.600 đồng.
2. Chị Cao Thị H: 1.780.800 đồng.
3. Chị Trịnh Thị T: 3.561.600 đồng.
4. Chị Lê Thị C: 14.246.400 đồng.
5. Chị Đậu Thị T: 3.473.920 đồng.
6. Anh Lê Văn T: 5.178.000đồng.
7. Anh Ngô Văn Đ: 1.780.800 đồng.
8. Chị Lê Thị L: 863.000 đồng.



9. Chị Lê Thị H: 1.780.800 đồng.

10. Chị Thái Thị H: 890.400 đồng.

\* Buộc những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án còn nợ của bị cáo phải nộp lại số tiền 41.000.000 đồng để tịch thu sung Ngân sách Nhà nước, cụ thể:

1. Chị Cao Thị H: 1.500.000 đồng.

2. Chị Trịnh Thị T: 1.250.000 đồng.

3. Chị Lê Thị C: 7.750.000 đồng.

4. Chị Đậu Thị T: 6.600.000 đồng.

5. Anh Lê Văn T: 12.000.000 đồng.

6. Anh Ngô Văn Đ: 5.000.000 đồng.

7. Chị Lê Thị L: 2.400.000 đồng.

8. Chị Lê Thị H: 4.500.000 đồng.

## 2.2. Xử lý vật chứng:

Tịch thu hóa giá sung Ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus, màu đen, bên trong có sim số 0843.830.777 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105, màu đen, bên trong có sim số 0352.528.485, vật chứng hiện đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Diễn Châu theo Phiếu nhập kho số: NK0095, ngày 26/3/2021 của chi cục Thi hành án dân sự huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An.

3. Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Vũ Văn L phải chịu 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

### Nơi nhân:

- Viện kiểm sát ND huyện Diễn Châu;
- Chi cục THADS huyện Diễn Châu;
- Công an huyện Diễn Châu;
- Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An;
- Viện kiểm sát ND tỉnh Nghệ An;
- Sở Tư pháp tỉnh Nghệ An;
- Bị cáo; người liên quan;
- Thi hành án HS;
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Đoàn Thị Kiều Hương**